

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 775 Nguyễn Hữu Thọ, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
Tel: 0236. 3797789 Fax: 0236. 3697790 Website: www.thanmientrung.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

I. THÔNG TIN CHUNG.

1-Thông tin khái quát

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN TRUNG - VINACOMIN.
Tên tiếng Anh : VINACOMIN-CENTRAL ZONE COAL JOINT STOCK COMPANY.
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0400458027
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 56.025.900.000 đồng
Mã chứng khoán : CZC
Trụ sở chính : 775 Nguyễn Hữu Thọ, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : 0236. 3.797.789 Fax : 0236. 3.697.790
Website : www.thanmientrung.vn
Email : congythanmientrung@gmail.com ctythanmientrung@vnn.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển.

a) Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty cổ phần Than Miền Trung có tiền thân là Công ty Than Miền Trung.

Được thành lập năm 1976 trực thuộc Tổng Công ty cung ứng than Việt Nam, làm nhiệm vụ cung ứng than theo kế hoạch của Nhà nước cho nhu cầu sản xuất và đời sống tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên. Trong quá trình phát triển, Công ty đã nhiều lần sắp xếp lại tổ chức và đổi tên. Đến năm 1995, khi Chính Phủ tổ chức lại ngành Than, thì các công ty đã tách ra trước đây cùng sát nhập lại thành tên mới là Công ty Chế biến và Kinh doanh Than Miền Trung trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam. Năm 1997, Công ty đổi tên thành Công ty Than Miền Trung.

Thực hiện chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá doanh nghiệp và Quyết định số 222/2003/QĐ-BCN ngày 17/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, ngày 26/12/2003, các cổ đông sáng lập đã tiến hành Đại hội cổ đông, thành lập CÔNG TY CỔ

PHẦN THAN MIỀN TRUNG. Năm 2007, Công ty mang tên thành CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN TRUNG – TKV. Năm 2011, Công ty đổi tên thành CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN TRUNG – VINACOMIN. Năm 2015 TKV tái cơ cấu còn chiếm giữ 27,24% vốn điều lệ công ty

Ngày 12/12/2016 tại quyết định số 2949/QĐ-TKV. Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam đã chấm dứt công nhận Công ty Cổ phần Than Miền Trung – Vinacomin làm Công ty con của Tập đoàn TKV kể từ ngày 15/12/2016.

Thời điểm niêm yết/Đăng ký giao dịch: ngày 05 tháng 4 năm 2011.

3. Ngành nghề kinh doanh.

a) Ngành nghề kinh doanh (chiếm trên 10% doanh thu trong hai năm gần nhất)

Chế biến, kinh doanh than;

b) Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của Công ty cổ phần Than Miền Trung trải dài từ Quảng Bình đến Cam Ranh và các tỉnh Tây Nguyên, Công ty đã đầu tư xây dựng và phát triển 9 Xí nghiệp, Chi nhánh trải dài khắp các tỉnh thành khu vực miền Trung. Công ty cũng thành lập các Trạm, các Cửa hàng thuộc các Xí nghiệp để thực hiện nhiệm vụ nhập hàng, chế biến và trực tiếp tiêu thụ theo kế hoạch.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý.

Đại hội đồng cổ đông

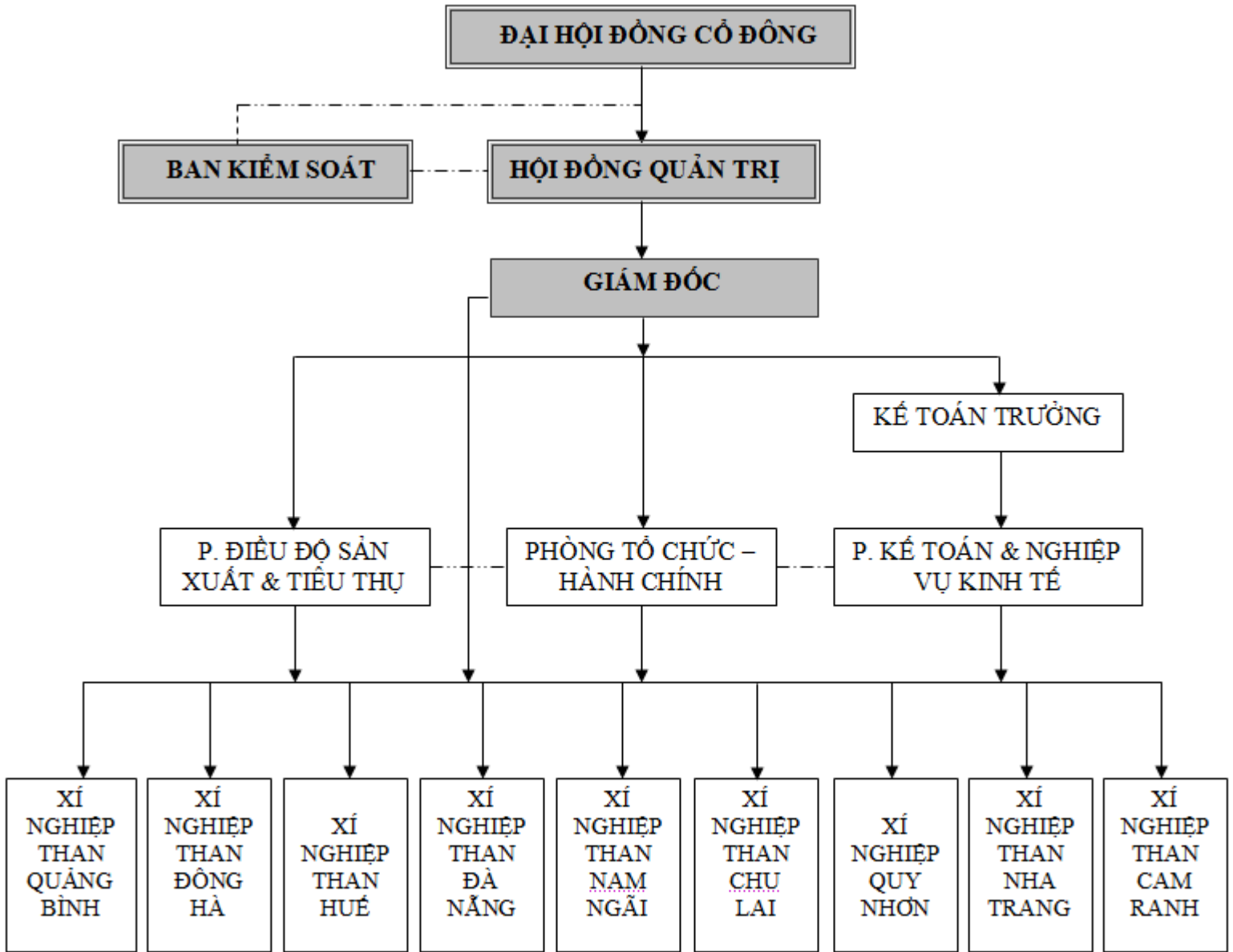
Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định, cụ thể có quyền quyết định, chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm, xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở Đại hội đồng cổ đông

thông qua, đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Than Miền Trung



Ban Kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát các báo cáo tài chính hàng năm, 6 tháng, hàng quý, các vấn đề kiểm toán và các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền lợi cổ đông theo luật pháp và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

Ban giám đốc

Điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động của mình. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý

trong Công ty. Xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, các phương án liên doanh, liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Phòng Tổ chức – Hành chính.

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, ban giám đốc về các lĩnh vực: Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thanh tra, kiểm tra và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, công tác pháp chế, quản trị hành chính, thi đua khen thưởng, kỷ luật.
- Xây dựng quy hoạch cán bộ, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng thi tay nghề nâng bậc.
- Xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương hàng năm, thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước. Tổ chức quản lý tốt lực lượng lao động toàn Công ty.
- Phối hợp với Công đoàn phát động phong trào thi đua, tổng kết khen thưởng kịp thời, chính xác, tham mưu xử lý các vụ việc vi phạm kỷ luật theo quy định hiện hành
- Thực hiện công tác văn thư lưu trữ đúng quy định, quản lý tốt kho lưu trữ tài liệu.
- Hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chi phí hành chính của văn phòng Công ty, xây dựng văn hoá trong doanh nghiệp, trong hội họp, tiếp khách.

Phòng Điều độ sản xuất và tiêu thụ:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, ban giám đốc về các lĩnh vực: Công tác kế hoạch, công tác thu mua, vận tải, phân phối hàng hoá; công tác chế biến, tiêu thụ than; công tác đầu tư, xây dựng cơ bản; công tác an toàn, môi trường; công tác thống kê.
- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng kỳ, hàng năm.
- Nghiên cứu, xây dựng các dự án đầu tư, phát triển; nghiên cứu, quản lý, sử dụng có hiệu quả tối đa nguồn lực cơ sở vật chất trang thiết bị hiện có của Công ty.
- Xây dựng các định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, định mức sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, dự trữ nguyên nhiên vật liệu.

Phòng Kế toán và Nghiệp vụ kinh tế:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, ban giám đốc trong lĩnh vực kế toán và tài chính. Thực hiện các chế độ về kế toán, tài chính doanh nghiệp theo pháp luật quy định.
- Theo dõi ghi chép, thống kê, cập nhật hoá đơn, chứng từ để hạch toán kế toán.
- Định kỳ tổng hợp và phân tích tình hình hoạt động kinh tế của Công ty báo cáo Hội đồng quản trị, ban giám đốc.
- Theo dõi, phản ánh chính xác, kịp thời, liên tục có hệ thống tình hình tiền vốn, chi phí sản xuất, kết quả lỗ lãi, các khoản thanh toán, nộp ngân sách.

- Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm, xây dựng kế hoạch tài chính, vốn, phí,... đảm bảo sử dụng vốn hợp lý, tiết kiệm nhằm tăng lãi.
- Tiến hành tự kiểm tra định kỳ công tác Tài chính - Kế toán ở các đơn vị trực thuộc.

Các xí nghiệp than trực thuộc:

Công ty cổ phần Than Miền Trung có 9 đơn vị trực thuộc. Các đơn vị có tư cách pháp nhân không đầy đủ, hạch toán phụ thuộc và hoạt động theo phân cấp ủy quyền. Bao gồm:

- *Xí nghiệp than Quảng Bình*

Địa chỉ: 40 Lê Quý Đôn, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 052. 3840 944 Fax: 052. 3828 062

- *Xí nghiệp than Đông Hà*

Địa chỉ: Phường 2, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 053. 3852257 Fax: 053. 3855698

- *Xí nghiệp than Huế*

Địa chỉ: 37 Kinh Dương Vương, TT Thuận An, Huyện Phú Vang, tỉnh TT. Huế

Điện thoại: 054. 3866 034 Fax: 054. 3956 114

- *Xí nghiệp than Đà Nẵng*

Địa chỉ: Phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3968 883 Fax: 0511. 3969 388

- *Xí nghiệp than Nam Ngãi*

Địa chỉ: Thôn Lục Tây, Thị Xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510. 3869 603 Fax: 0510. 3769 113

- *Xí nghiệp than Chu Lai*

Địa chỉ: Thôn Hòa Mỹ, Xã Tam Nghĩa, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510. 3535289 Fax: 0510. 3535806

- *Xí nghiệp than Quy Nhơn*

Địa chỉ: Thôn Phú Mỹ 1, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.3832 097 Fax: 056. 3832 089

- *Xí nghiệp than Nha Trang*

Địa chỉ: 119. Lý Nam Đế, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà

Điện thoại: 058. 3881 058 Fax: 058. 3882 418

- *Xí nghiệp Than Cam Ranh*

Địa chỉ: Thôn Hòn Quy, Xã Cam Thịnh Đông, TP Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3.955.978 Fax: 0583.955.968

Công ty cũng thành lập các trạm, các cửa hàng thuộc các xí nghiệp để thực hiện nhiệm vụ nhập hàng, chế biến và trực tiếp tiêu thụ theo kế hoạch của các xí nghiệp.

Nhiệm vụ của các Xí nghiệp:

- Thực hiện nhiệm vụ thu mua, chế biến và bán than cho các đơn vị sản xuất công nghiệp có nhu cầu nhiên liệu than, phục vụ nhu cầu chất đốt sinh hoạt cho nhân dân và làm dịch vụ giao nhận than các các hộ lớn theo địa bàn được phân công.
- Quản lý cơ sở vật chất, các chi phí định mức của đơn vị.
- Quản lý chất lượng sản phẩm.
- Quản lý các trạm, các cửa hàng trực thuộc xí nghiệp.

5. Định hướng phát triển.

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Phấn đấu phát triển bền vững; nâng cao hiệu quả kinh doanh; đáp ứng đầy đủ nhu cầu ngày càng tăng thêm của khách hàng; phát triển toàn diện về người lao động.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Năm 2016, Công ty điều chỉnh chiến lược phát triển, ưu tiên phát triển theo chiều sâu. Đối với hoạt động kinh doanh chính là chế biến, kinh doanh than. Công ty chú trọng đầu tư trọng điểm, đầu tư xây dựng các kho than phục vụ công tác kinh doanh và chế biến, nâng cấp than. Ổn định tốc độ tăng trưởng doanh thu, giá trị sản xuất và lợi nhuận hàng năm.

Công ty tiếp tục đầu tư cho nguồn nhân lực, coi đây là nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp, trong đó, nâng cao chất lượng tuyển dụng, thực hiện công tác quy hoạch- đào tạo, xây dựng một đội ngũ lao động làm việc chuyên nghiệp, có kỷ luật cao đi đôi với việc giải quyết tốt chế độ cho người lao động để người lao động an tâm, gắn bó với doanh nghiệp.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Trong năm tiếp theo, Công ty thực hiện di dời xong các Kho than đến các địa điểm mới theo quy hoạch của các Địa phương xây dựng các nhà tiền chế để chứa than và chế biến than, hạn chế đến mức thấp nhất sản lượng than để ngoài trời. Bê tông hóa nền kho, đường vào kho. Sử dụng tối đa diện tích trồng cây xanh theo thiết kế, vv...

- Trang bị điều chuyển các máy móc thiết bị trong công ty nhằm giải phóng sức người, đồng thời bảo đảm cho người lao động làm việc trong môi trường có tiếng ồn, độ rung, nhiệt độ, v.v. ở mức thấp nhất.

- Tạo việc làm cho lao động ở địa phương, tham gia đóng góp vào sự phát triển và an sinh của cộng đồng dân cư nơi các Chi nhánh đóng chân.

6. Các rủi ro:

a) Rủi ro về kinh tế là những thay đổi nội tại của nền kinh tế cùng với sự thay đổi chính sách tài chính và tiền tệ làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động của Công ty.

Ngành than đóng vai trò là ngành kinh tế trọng điểm cung cấp nhiên liệu hoạt động cho hầu hết các ngành khác. Vì vậy, những biến động của kinh tế của thế giới, quốc gia hay thay đổi về chiến lược phát triển kinh tế của vùng, địa phương đều có ảnh hưởng đến ngành than, trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các ngành vốn là khách hàng tiêu thụ của ngành than. Khi nền kinh tế phát triển, nhu cầu sản phẩm của các ngành vốn là khách hàng của ngành than tăng trưởng nhanh chóng nên nhu cầu than và các sản phẩm công nghiệp than tăng lên tương ứng. Ngược lại, khi nền kinh tế lâm vào khủng hoảng, mức cầu của ngành than giảm sút nên doanh thu và lợi nhuận của Công ty cũng sẽ bị giảm sút tương ứng.

Trong thời gian qua, nhu cầu về than trên thị trường trong nước và quốc tế đang thu hẹp, và được sự ưu đãi về các chính sách của chính phủ nên hoạt động của ngành than đang có nhiều khởi sắc, thị trường than đang dần ổn định.

b) Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

Hoạt động của Công ty cổ phần Than Miền Trung chịu ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán sau khi công ty đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động quản trị và kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Than Miền Trung thực hiện sản xuất và kinh doanh than nên sẽ chịu tác động gián tiếp từ Luật khoáng sản về khai thác than. Bất kỳ một sự thay đổi nào các văn bản pháp luật, các quy định chính sách của Luật khoáng sản cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty.

c) Rủi ro về chính sách

Hiện nay, nhu cầu tiêu thụ than trong nước là rất lớn, cộng với chiến lược an ninh năng lượng quốc gia nên chính sách của Chính phủ và Tập đoàn sẽ ưu tiên tiêu thụ than trong nước, giảm dần xuất khẩu. Và dự báo những năm đến, Việt Nam sẽ bắt đầu phải

nhập khẩu than. Hiện tại, giá bán than nội địa của Việt Nam thấp hơn nhiều so với giá than quốc tế. Với sự thay đổi về nhu cầu than và chính sách năng lượng, chắc chắn giá than có nhiều biến động.

Giá than bán cho các hộ tiêu thụ lớn trong nước khác như xi măng, giấy, phân bón đã được điều chỉnh theo giá thị trường đảm bảo không thấp hơn giá xuất khẩu. Những yếu tố này sẽ có tác động tích cực đến lợi nhuận của Công ty trong tương lai.

d) Rủi ro về môi trường tự nhiên

Ngành công nghiệp than phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường tự nhiên. Bất kỳ một sự biến động nào của môi trường tự nhiên cũng đều tác động đến chất lượng sản phẩm than như: sự biến động về địa chất, quy hoạch khai thác vùng chưa ổn định...Chất lượng than ngày càng giảm là yếu tố tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành than.

Than là nguồn khoáng sản tự nhiên và không thể tái sinh. Việt Nam với công nghệ khai thác còn sơ khai, xuống sâu lòng đất và cộng thêm việc khai thác bừa bãi đã làm cho trữ lượng than ngày càng giảm sút đáng kể, tốc độ khai thác nhanh hơn tốc độ thăm dò. Việt Nam sẽ phải nhập khẩu than trong tương lai gần nếu không có kế hoạch khai thác và quản lý nguồn than hợp lý.

e) Rủi ro cạnh tranh

Những năm trước đây các công ty hoạt động trong ngành than đều chịu sự quản lý và điều tiết của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nên hầu hết hạn chế sự cạnh tranh về sản phẩm và thị trường giữa các công ty than trong nước. Hiện tại, trong lĩnh vực chế biến và kinh doanh than có các công ty tham gia: Công ty CP Than Miền Bắc, công ty CP Than Miền Nam và công ty CP than Miền Trung, các Công ty CP Dịch vụ & Thương Mại. Hiện nay Tổng công ty Đông Bắc tách ra khỏi sự quản lý của Tập đoàn trực thuộc Bộ Quốc phòng cũng là một trở lực lớn cho Công ty hiện nay phân vùng tiêu thụ sản phẩm của Công ty CP Than Miền Trung là các tỉnh miền Trung từ Quảng Bình đến Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên, nhưng Tập đoàn cũng phân chia lại thị trường Miền Trung- Tây Nguyên cho các công ty nêu trên .

Tuy nhiên, các công ty than trong nước phải đối mặt với tình trạng khai thác, vận chuyển và buôn bán than lậu từ các doanh nghiệp hay hộ cá thể. Than được ví như vàng đen nên những khoản siêu lợi nhuận từ hoạt động khai thác, buôn bán, xuất khẩu than trái phép đã làm mờ mắt nhiều người. Với hoạt động sản xuất kinh doanh trái phép, tránh thuế, bất chấp hủy hoại môi trường và tính mạng con người nên nguồn than lậu có giá bán rẻ hơn nhiều so với giá bán của các công ty than hoạt động hợp pháp. Điều này đã đặt ra tình trạng tiến thoái lưỡng nan cho các công ty than. Nếu giảm giá bán để cạnh tranh với giá than lậu thì doanh thu của các công ty than không đủ bù đắp chi phí, mà giữ nguyên giá thì hàng tồn kho sẽ tăng cao. Đứng riêng góc độ mỗi công ty không thể nào hạn chế được tình trạng này mà đòi hỏi phải có sự hợp tác quản lý chặt chẽ của cả Tập đoàn, chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng.

Bên cạnh đấy, áp lực cạnh tranh từ sản phẩm thay thế đã, đang và sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành than. Với mục đích sử dụng là tạo ra năng lượng nhiệt, do vậy hiện nay có rất nhiều sản phẩm có thể thay thế được cho than như dầu khí, điện, gỗ, năng lượng mặt trời, và đặc biệt là năng lượng nguyên tử. Do đó nếu giá than quá cao nhiều doanh nghiệp cũng sẽ chuyển sang dùng nguồn năng lượng khác vì thế cạnh tranh với các sản phẩm năng lượng thay thế là rất cao.

f) Rủi ro khác.

Hoạt động ngành than chịu sự tác động rất lớn về điều kiện tự nhiên. Nước ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới nên lượng mưa hàng năm rất lớn, mưa lớn tràn qua các tầng khai thác trên cao cuốn theo bùn đất, than xuống đáy mỏ. Điều này gây khó khăn cho hoạt động khai thác than và giảm chất lượng than cung cấp. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của nguồn nguyên liệu than đầu vào, cho nên sự thay đổi điều kiện tự nhiên dẫn đến sự biến động doanh thu, lợi nhuận của Công ty theo mùa.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2016

Để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2016, Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh một cách linh hoạt bằng nhiều biện pháp hiệu quả liên quan đến thị trường, đầu tư, lao động, tài chính, quản trị tốt chi phí... nhằm ứng phó với tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, tìm mọi biện pháp để giữ ổn định hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khó khăn, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, thu nhập của người lao động và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

a. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2016.

Những khó khăn về tài chính của khách hàng đã ít nhiều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty; nhiều khách hàng khó khăn trong thanh toán, một số khác sản xuất cầm chừng, vv.... Phía Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp tiết kiệm chi phí, thực hiện khoán vốn lưu động, quản lý lưu chuyển tiền tệ, vv... Song song với biện pháp tài chính, Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp về tiêu thụ, như nâng cao chất lượng hàng hoá, chất lượng dịch vụ chăm sóc nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Thị phần của Công ty hiện nay phát triển chậm, năng lực cạnh tranh chưa được nâng lên rõ rệt. Mặc dù chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên của Công ty ngày càng được hoàn thiện; hệ thống kho bãi, cơ sở vật chất- kỹ thuật, khả năng tài chính đủ để phát triển và nâng cao chất lượng kinh doanh trong những năm tiếp theo.

Tình hình tài chính minh bạch. Công ty thực hiện tốt công tác quản lý chi phí trên cơ sở tiết kiệm và đúng chế độ tài chính, quản lý chặt chẽ các định mức kinh tế, kỹ thuật, khoán vốn lưu động, thực hiện luân chuyển tiền tệ để hạn chế vay vốn ngân hàng và trong thời gian ngắn nhất. Nợ quá hạn có tiềm ẩn rủi ro cao, các khoản phải thu được quản lý chặt chẽ. Nợ bán hàng vẫn ở trong phạm vi được kiểm soát; chủ động thanh toán nợ mua

than với Tập đoàn. Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng thấp. Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính như: khả năng sinh lời, năng lực hoạt động, mức độ rủi ro về tài chính và khả năng thanh toán đều mang tính tích cực.

a) Tình hình thực hiện so với kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ %
1	Chỉ tiêu về sản lượng				
	- Thu mua	1 000 tấn	260	211,778	81,4
	- Tiêu thụ	1 000 tấn	260	189,662	73,0
2	Doanh thu	Tr. đồng	572.428	432.223	75,50
3	Giá vốn hàng hoá bán ra	Tr. đồng	515.541	383.432	74,37
4	Giá trị sản xuất	Tr. đồng	56.887	48.791	85,76
5	Tổng chi phí trong kỳ	Tr. đồng	51.887	43.816	89,3
5.1	Chi phí trung gian	Tr. đồng	20.986	26.527	126,40
5.2	Giá trị gia tăng	Tr. đồng	30.901	19.764	63,95
	- Khấu hao TSCĐ	Tr. đồng	6.000	3.074	51,23
	- Tiền lương	Tr. đồng			
	-Tiền lương SXKD	Tr. đồng	21.901	13.922	63,56
	-Tiền lương VC quản lý	Tr. đồng			
	- Bảo hiểm	Tr. đồng	1.800	1.813	100,72
	- Thuế trong giá thành	Tr. đồng	1.200	955	79,60
6	Lợi nhuận (trước thuế)	Tr. đồng	5.000	2.500	50,00
7	Cô tức (đề xuất)	%	5-6 %	3,5 %	
8	Lao động và thu nhập				
	- Lao động	Người	215	200	93,00
	- Đơn giá TL/GTSX	Đ/1000 đ	385	277	72,25
	- Tiền lương BQ/ ng/ tháng	1000 đồng	8.489	5.625	66,00

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành.

Giám đốc: Ông Trần Thế Hiếu

Ngày tháng năm sinh: 08/06/1960 Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú hiện nay: 775 Nguyễn Hữu Thọ, Q.Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

Trình độ chuyên môn: Đại học Mỏ địa chất.

Là thành viên độc lập.

Quá trình công tác:

Từ 10/1978-12/1983: Sinh viên Đại học Mỏ

Từ 08/1984-12/1985: CB Phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp vận tải -Công ty than 3

Từ 01/1986-06/1991: CB Phòng LĐTL - Xí nghiệp vận tải -Công ty than 3

Từ 07/1992-09/1993: Quản đốc phân xưởng XN Vật tư Vận tải-Cty than Nội địa
 Từ 10/1993-05/1994: Học tại Nhật Bản về chế biến than
 Từ 06/1994-08/1994: Chuyên viên phòng TCLĐ- XN VT Vận tải-Cty than Nội địa
 Từ 09/1994- 04/1998: Phó giám đốc XN Than Đồng Nai
 Từ 05/1998- 12/2014: Giám đốc XN Than Đồng Nai
 Từ 01/2015- đến nay: UV- HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần than Miền Trung
 Số cổ phần nắm giữ: 4.200 cổ phần

Kế Toán Trưởng: Lê Minh Đức

Ngày tháng năm sinh: 15/12/1969 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ thường trú hiện nay: 775 Nguyễn Hữu Thọ, Q.Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
 Là thành viên độc lập

Quá trình công tác:

Từ 1994-1998: Sinh viên Đại học Mở TP.HCM
 Từ 1999-2003: Kế toán – Xí nghiệp than Đồng Nai
 Từ 2004-2015: Kế toán trưởng – Xí nghiệp than Đồng Nai
 Từ 03/20015: Kế toán trưởng – Công ty CP than Miền Trung - Vinacomin
 Từ 15/12/2016: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Than Miền Trung
 Số cổ phần phổ thông nắm giữ: 0 cổ phần

b) Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động:

Số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của CBCNV:

Số lượng lao động tại Công ty cổ phần Than Miền Trung tại thời điểm 31/12/2016 là 200 người, cụ thể như sau:

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Đại học	51	25,5
Cao đẳng	20	10,0
Trung học	19	9,5
Khác	110	55,0
Tổng số	200	100

Chính sách đối với người lao động:

- ❖ Chính sách trả lương

Công ty Công ty cổ phần Than Miền Trung chi trả lương cho cán bộ công nhân viên Công ty theo đơn giá tiền lương do Hội đồng quản trị phê duyệt trên cơ sở Kế hoạch phối hợp kinh doanh với Tập đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam. Đồng thời Công ty đã ban hành Quy chế quản lý và phân phối tiền lương tiền thưởng. Quy chế này ban hành nhằm cụ thể hóa mức lương, thưởng cho từng CBCNV theo cấp bậc công việc, năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhờ đó đã khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao tay nghề và hiệu quả làm việc.

❖ Chính sách bảo hiểm

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm và các chế độ khác có liên quan đến người lao động theo qui định bao gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp nghỉ việc, khám bệnh định kỳ.

❖ Chính sách khác

Công ty luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua các hoạt động như: tham quan, du lịch trong và ngoài nước, thi đấu thể thao nội bộ Công ty, hội thao khối Doanh nghiệp, tổ chức hội thi nội trợ với Chuyên đề ”giỏi việc nước, đảm việc nhà”, thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỷ,... Hằng năm, Công ty duy trì tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ trọng đại của đất nước, như: ngày Lễ Chiến Thắng, ngày Quốc tế lao động, Quốc khánh 2/9, Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

1/ Về kế hoạch đầu tư:

Kế hoạch nguồn vốn đầu tư được phê duyệt năm 2016 :	10.000 triệu đồng
Kế hoạch nguồn vốn đầu tư bổ sung năm 2016:	không
Tổng nguồn vốn đầu tư năm 2016 là:	1.303 triệu đồng

2/ Về thực hiện kế hoạch đầu tư:

Trong năm 2016 Công ty thực hiện đầu tư với tổng số tiền là: **1.303 triệu đồng** đạt 13% so với kế hoạch trong đó:

Đầu tư Máy sàng rung cho XN than Chu Lai :	164.132.000 đồng
Đầu tư mua ,lắp Máy biến áp XN than Quảng Bình:	90.346.900 đồng
Đầu tư mua container VP cho XN than Chu Lai:	53.454.545 đồng
Đầu tư Máy đập than cho XN than Cam Ranh :	156.223.636 đồng
Đầu tư Máy sàng rung cho XN than Cam Ranh:	208.818.364 đồng
Đầu tư Giếng khoan cho SXKD XN than Cam Ranh:	130.000.000 đồng

Dự án Xây dựng kho than Hòa Nhơn thực hiện: 500 triệu đồng gồm: đầu tư lắp Máy biến áp: 415 triệu đồng cộng thêm đền bù GPMB: 85 triệu đồng. Đến cuối năm 2016, đang vướng mắc về thủ tục hành chính của địa phương, do đó kế hoạch chưa thực hiện được nên công trình này sẽ được chuyển tiếp sang năm 2017.

Dự án đầu tư xây dựng kho than Cẩm Cam Ranh: Đang đầu tư dở dang

(Chờ cấp giấy phép xây dựng) Công trình sẽ chuyển tiếp sang năm 2017

Công ty không tiến hành đầu tư tài chính.

b) Tình hình tài chính của Công ty đã trình bày một cách trung thực và hợp lý, được đánh giá là lành mạnh và minh bạch. Công ty thực hiện tốt công tác quản lý chi phí trên cơ sở tiết kiệm và đúng chế độ tài chính, quản lý chặt chẽ các định mức kinh tế, kỹ thuật, khoán vốn lưu động, duy trì hàng tồn kho ở mức hợp lý, thực hiện luân chuyển tiền tệ để hạn chế vay vốn ngân hàng và trong thời gian ngắn nhất. Công ty không có nợ quá hạn, các khoản phải thu được quản lý chặt chẽ. Nợ bán hàng vẫn ở trong phạm vi được kiểm soát; chủ động thanh toán nợ mua than với Tập đoàn. Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng cao. Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính như: khả năng sinh lời, năng lực hoạt động, mức độ rủi ro về tài chính và khả năng thanh toán đều mang tính tích cực.

4. Tình hình tài chính:

a) Kết quả kinh doanh:

Chi tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Đvt: Đồng
			% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	188.366.047.171	139 507 561 568	
Doanh thu thuần	432.223.849.672	528 237 374 268	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.491.203.446	4.334.280.391	
Lợi nhuận khác	9.230.232	1 750 441 361	
Lợi nhuận trước thuế	2.500.433.678	6 084 721 752	
Lợi nhuận sau thuế	1.970.575.196	4 705 016 948	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3,5	12%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Đvt	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		Lần	
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1.25	Lần	1.43
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0.53	Lần	0.64
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	0.98	Lần	1.05
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản			0.49
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1.69	Lần	0.95
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay vốn tồn kho (Doanh thu/Hàng tồn kho bình quân)	6.59	Vòng	8.16
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.64	Lần	3.51
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/DT thuần	0.46	%	0.89
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	2.81	%	6.60

+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1.05	%	3.37
---	------	---	------

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần.

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty cổ phần Than Miền Trung được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) với mã chứng khoán là CZC, cổ phiếu Công ty đã được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Năm 2016 Công ty tăng vốn cổ phần bằng hình thức phát hành thêm cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 1/1.1 (Cổ đông có 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 11 cổ phiếu thưởng)

Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

- + Cổ phần phổ thông: 5.602.590 cổ phiếu
- + Cổ phần ưu đãi: không có

Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: không có

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

- + Cổ phần phổ thông: 5.602.590 cổ phiếu
- + Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

b) Cơ cấu cổ đông.

Cổ đông là tổ chức, cổ đông là cá nhân:

+ Cổ đông là tổ chức: Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 1.526.490 cổ phần, chiếm 27,25%;

+ Cổ đông là cá nhân nắm giữ 4.076.100 cổ phần, chiếm 72,75%.

Cổ đông lớn, nhỏ:

+ Cổ đông lớn: Ông Vĩnh Như nắm giữ 2.805.600 cổ phần, chiếm 50,077%;

+ Cổ đông lớn: Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 1.526.490 cổ phần, chiếm 27,25%

+ Cổ đông nhỏ: gồm 124 người nắm giữ 1.270.500 cổ phần, chiếm 22,677%.

Cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài

+ Cổ đông trong nước: 126 cổ đông, nắm giữ 5.602.590 Cổ phần,

+ Cổ đông nước ngoài: không có.

Cổ đông nhà nước, cổ đông khác

+ Cổ đông Nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 1.526.490 cổ phần, chiếm 27,25%;

+ Cổ đông khác: nắm giữ 4.076.100 CP chiếm 72,75%

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ. Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2016.

a) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2016, Công ty tiêu thụ được 190 ngàn tấn than, đạt 72,94% kế hoạch. Trong hoàn cảnh cạnh tranh gay gắt và khách hàng thu hẹp sản xuất do thiếu vốn và hàng tồn kho cao, Công ty đã chủ động giảm giá bán than để kích thích tiêu thụ.

Doanh thu đạt 432 tỷ đồng bằng 75,51% kế hoạch. Giá trị sản xuất đạt 48,8 tỷ đồng, bằng 85,77% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 2,5 tỷ đồng, bằng 50% kế hoạch.

Phân loại khả năng thanh toán của khách hàng để chủ động bán hàng. Giảm tối đa chi phí của doanh nghiệp, giảm bán nợ, thực hiện tốt việc lưu chuyển tiền tệ vv... để giảm dần lãi vay ngân hàng.

Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh năm 2014. Mặc dù khối lượng hàng bán ra có thấp hơn năm trước, thiếu tính bền vững, còn phụ thuộc vào tình hình của thị trường, vào tình hình kinh tế của cả nước; mức tăng trưởng về lợi nhuận, doanh thu, tổng tài sản không cao.

b) Về công tác đầu tư.

Giá trị đầu tư thực hiện năm 2016 là: 1.303 tỉ đồng/10.000 tỷ đồng, đạt 13% kế hoạch.

2. Phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2017.

Trên cơ sở định hướng phát triển Công ty trung và dài hạn, Ban Giám đốc sẽ triển khai thực hiện theo những định hướng, chiến lược đó trong thời gian đến, cụ thể trong năm 2017 tập trung vào những công việc sau đây:

- Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017, cụ thể:

- Sản lượng than tiêu thụ : 160.000 tấn
- Doanh thu : 352.000 triệu đồng
- Lợi nhuận : 3.000 triệu đồng
- Cổ tức : 4%

a - Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành cũng như các chế độ chính sách để ổn định sản xuất ngay trong quý I/2017; Rà soát lại mức dư nợ tiền mua than ở của các Xi nghiệp, tăng cường quản lý tốt đồng vốn, tạo động lực thúc đẩy sức cạnh tranh, giữ thị trường tiêu thụ; xử lý một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty, hiện kinh doanh hiệu quả thấp hoặc không có hiệu quả để bổ sung vốn lưu động, giảm căng thẳng về vốn.

- Rà soát lại cơ chế giá cho hợp lý, cần có nhiều biện pháp để giảm giá đầu vào ngay từ đầu nguồn; chú trọng đến một số chính sách về tiền lương đối với Công nhân KT có tay nghề cao hoặc một số chức danh kiêm nhiệm nhiều việc.

b-Tiêu thụ than năm 2017 : Khối lượng than tiêu thụ trong KH phối hợp kinh doanh của Tập đoàn là 160.000 tấn đây là khối lượng tạm giao (không kể than NS) và là khối lượng tiêu thụ thực tế thị trường khu vực, thấp hơn mức thực hiện năm 2016 một ít. Việc tính toán này căn cứ vào thị trường tiêu thụ hiện có, khả năng bán vào nhà máy xi măng Quảng Phúc,

Đồng Lâm và một số khách hàng mới. Theo dự đoán của các chuyên gia trong nước năm 2017 nền kinh tế đất nước và thế giới có sự khởi sắc hơn năm 2016, chỉ số giá tiêu dùng tương đối ổn định, Chính phủ cũng đang có cơ chế tiếp sức cho các doanh nghiệp, từng bước chỉ đạo các ngân hàng thương mại giảm lãi suất tiền vay xuống 1 đến 2%, thị trường bất động sản đang ấm lên nhờ chính phủ có những chính sách tích cực nới rộng điều kiện vay hỗ trợ lãi suất thấp để mua nhà ở cho những người có thu nhập thấp, cho phép các đối tượng là người nước ngoài mua nhà tại VN, từ đó sẽ kéo theo các ngành xi măng, sắt thép, vật liệu xây dựng...chuyên biến, khối lượng than tiêu thụ tăng lên tương ứng. Bên cạnh những yếu tố tích cực trên ảnh hưởng đến khả năng bán ra của Công ty, thì những rào cản của năm 2015 cũng đặt ra nhiều thách thức, đó là:

+Thị trường Miền trung Tây nguyên năm 2017 là thị trường mở, với xu thế của đòi hỏi của xã hội và sự thay đổi cách nhìn nên chính phủ đã cho phép nhiều thành phần tham gia cung cấp than trong nội địa, cuộc cạnh tranh giữa các nhà cung cấp trong khu vực ngày càng khốc liệt hơn.

+Các doanh nghiệp trong nước tiếp tục sử dụng các nhiên liệu thay thế than có giá thành thấp nhằm giảm chi phí đầu vào hoặc chuyển hướng sang hình thức gia công để duy trì năng lực hiện có, nên mức tiêu thụ than năm 2017 có xu hướng không tăng nhiều so với năm 2016.

+Việc tiêu thụ than còn phụ thuộc vào yếu tố thu hồi công nợ với khách hàng, do sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp nên việc tranh giành khách hàng bằng các chính sách: cho nợ dài ngày, hạ giá bán than...nhằm lôi kéo khách hàng làm cho công nợ phải thu có xu hướng ngày càng lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, gây ra tâm lý do dự khi bán hàng .

Với các tác động như trên, kế hoạch tiêu thụ 160.000 tấn trong năm 2017 là sự cố gắng lớn, cần phấn đấu rất nhiều mới có khả năng đạt được.

c. Lợi nhuận năm 2017: tạm giao KH 3.000 triệu đồng. Đây là mức phấn đấu khá cao, vì năm 2017 do sự cạnh tranh nên giá bán sẽ giảm, làm cho chênh lệch giữa giá bán và giá vốn có xu hướng ngày càng thấp, lợi nhuận sẽ không cao. Để đảm bảo hoàn thành được KH lợi nhuận này, Công ty cần tăng cường một số giải pháp như sau:

- Giải pháp về quản trị chi phí: Công ty sẽ giao kế hoạch lợi nhuận cho từng đơn vị trong công ty trên cơ sở khối lượng than bán trực tiếp cho khách hàng từng khu vực, nếu lợi nhuận không đạt theo kế hoạch được giao sẽ lũy thoái tiền lương tương ứng, vì giao đơn giá tiền lương theo GTSX nên Giám đốc các xí nghiệp sẽ tăng cường hơn về tinh thần trách nhiệm nhằm giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý, Công ty sẽ tính toán khả năng tiêu thụ từng khu vực trong tháng, mức tồn kho hợp lý, thời gian khách hàng nợ để tính toán dư nợ định mức mà giao khoán vốn lưu động để các đơn vị chủ động hơn trong việc sử dụng chi phí về lãi vay, chi phí khác và giảm các chi phí dịch vụ mua ngoài chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí để hình thành giá bán than hợp lý, đồng thời giá bán than phải được minh bạch qua việc công khai, cũng như tính đúng tính đủ các yếu tố cấu thành giá khi niêm yết giá than và bán đúng theo giá đã được niêm yết, có chính sách giảm giá bán than cho các đối tượng khách hàng trả tiền ngay.

- Tích cực thu hồi công nợ tồn đọng năm 2014 và năm 2015, rút ngắn hạn mức thanh toán của khách hàng, thương thảo khách hàng lớn đưa chi phí lãi vay vào giá bán than, chi phí lãi chậm trả nếu quá thời hạn thanh toán, tăng cường quản trị tiền mặt và tiền gửi trong nội bộ, tăng vòng quay vốn nhanh, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

- Về thị trường: Các Xí nghiệp cần thông kê lại các khách hàng sử dụng than trên địa bàn, đi sâu tìm hiểu đặc điểm, tập quán, khả năng phát triển của doanh nghiệp, khả năng thanh toán để định hình phương thức bán than vào các hộ này. Chủ trương năm 2017 xem các

doanh nghiệp thương mại ngoài than là những khách hàng chiến lược, tận dụng lợi thế thị trường nhỏ lẻ của họ để đẩy mạnh khối lượng than bán ra, đồng thời thu hồi công nợ nhanh bằng những hình thức thích hợp. Tăng cường và tiếp cận để bán than vào các nhà máy còn trong khu vực theo lộ trình phổ biến nguồn xăng E5 của Chính phủ, duy trì các khách hàng truyền thống, chú ý mở rộng thêm thị trường Tây nguyên, khai thác các khách hàng tại khu Công nghiệp Chu Lai, Dung quất và các khu công nghiệp khác. Tăng cường khâu tiếp thị, khai thác thêm khách hàng nhỏ lẻ.

- Giải pháp về tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất: Để đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn mới một cách bền vững, công ty cần bố trí lại sản xuất, chuyên môn hoá từng công đoạn bao gồm công tác thu mua than đầu nguồn, quản lý hàng đi trên đường, quản lý lượng hàng hoá tồn kho, đầu tư hệ thống công tác chế biến sâu bằng phương pháp tuyển nước nhằm thu hồi tối đa nguồn tài nguyên than có chất lượng cao từ nguồn than có chất lượng thấp với giá thành rẻ, chuyên nghiệp hoá khâu thị trường. Các đơn vị sử dụng than lớn do Tập đoàn ký như : các nhà máy xi măng, gạch men, than Nông Sơn , công ty trực tiếp quản lý điều hành về tiến độ, khối lượng và chất lượng giao nhận, đối chiếu công nợ, các đơn vị căn cứ chi phí thực tế phát sinh tính toán và công ty sẽ giao khoán chi phí theo đầu tấn giao nhận.

- Quản lý về lao động và năng suất lao động: Tổ chức và phân công lại lao động, sắp xếp các phòng ban công ty đi vào chuyên môn hoá, bố trí lại các tổ đội, giao thêm quyền hạn và trách nhiệm cho những người đứng đầu bộ phận, quản lý năng suất lao động theo hình thức khoán sản phẩm, xem công tác nhân sự là khâu đầu tiên và đột phá để thực hiện các công đoạn khác của quá trình sản xuất kinh doanh.

3- Một số biện pháp nâng cao hiệu quả :

a/ Về tổ chức LNLT:

-Sắp xếp. kiện toàn một số cabin bộ phận công ty và cabin XN cho phù hợp với thời kỳ qua vận hành của Công ty.

-Ban hành một số qui chế, quy định về vận hành trong Công ty.

b/ Về công tác kế hoạch

-Công ty cần giao tiếp giao kế hoạch cho cabin Xí nghiệp thời gian

-Trong quý 2/2017 cabin XN sẽ xây dựng kế hoạch của Xí nghiệp mình theo hình thức bảng biểu mẫu chung do công ty qui định . Trên cơ sở đó cabin công ty sẽ giao kế hoạch chính thức cho cabin Xí nghiệp.

c/ Về mua bán than.

-Công ty mua than đầu nguồn và phân phối lại cho cabin Xí nghiệp theo yêu cầu của XN và khâu vận hành của Công ty. Nguồn than lấy đầu mỏ và vận chuyển do XN hoàn toàn chủ động, Công ty sẽ đứng ra ký hợp đồng mua than . Trước giao nhận than đầu nguồn của công ty cần thể rõ vận đơn cho XN thông qua làm thủ tục giao nhận đầu nguồn và nộp hồ sơ phí giao nhận do công ty qui định , phí này sẽ nộp tính vào giá than công ty giao cho XN

-Công ty kỳ họp thông vận chuyển than từ đầu nguồn Quảng Ninh về cabin công đồng khu vực miền trung với vận đơn 03 tấn và vận tải biển của Tập đoàn. Giá công ty kỳ họp giao trả đơn hàng trong thời gian ít nhất là 03 tháng. Cabin XN cần nhu cầu nhập hàng trước tiếp liên hệ với chủ tàu và giới thiệu chủ tàu kỳ họp thông vận đơn trong 03 tấn và vận tải TKV.

-Cabin XN cần cấu lại hàng hóa mua vào, tăng cường công tác chế biến phân phối để giải quyết cabin chúng loại than toàn kho và nhập thông nhu cầu của đang

cuûa thờ trồøng. Bên cãnh ñòu cuõng phaûi cô caáu laïi khaùch haøng, mỗi khaùch haøng tuøy theo töøng ñoái töøing maø coù cô cheá baùn haøng cho phuø hõp nhaèm taêng theâm thờ phaàn vaø giaùm thieáu ruûi do maát nôï vaø maát khaùch.

-Caùc XN hoaøn toaøn chuû ñoäng quyeaát ñoành veà giaù baùn than cuûa XN mình ñoành than tieâu chuaån mua cuûa Taäp ñoäøn khoâng ñoõic baùn thaáp hôn giaù thaønh

-Coâng ty quaùn lý toaøn boã dòch vũ giao than cho caùc hoã lòun . tieâu thuï than Môû Noâng sôn vaø caùc hoã thồøng maïi kinh doanh than lòun (bình quaùn 500 taán/thaùng trôû lên). Coâng ty seõ tröic tieáp hoaëc uýy quyeaùn cho XN thöic hieän.

d/ Veà taøi chính keá toaùn

-Coâng ty giao cho caùc Xí nghiệp ñoành möüc dö nôï tieàn than. Neáu Xí nghiệp nôï coâng ty tieàn than quaù ñoành möüc thì phaàn vöõit ñoành möüc seõ phaûi traû laõ, möüc laõ suaát do Coâng ty qui ñoành,

-Coâng ty giao khoaùn chi phí cho Xí nghiệp laøm dòch vũ giao than cho caùc hoã lòun vaø tieâu thuï than môû Noâng Sôn. Doanh thu dich vũ XN trích löøng vaøo quá löøng chung cuûa XN vaø haïch toaùn chi phí vaøo chi phí chung cuûa toaøn Xí nghiệp.

-Caùc Xí nghiệp baùn than vaø thu tieàn tröic tieáp töø khaùch haøng vaø chuyeån tieàn veà coâng ty. Moät soá khaùch haøng lòun thì coâng ty yeâu caàu chuyeån tröic tieáp veà coâng ty. Möüc toàn quá tieàn maët vaø tieàn göüi ngaân haøng khoâng quaù 20 trieäu ñoàng(khi chõa coù keá hoaïch thanh toaùn nhieàu hôn).

-Ñeã caùc Xí nghiệp an taâm thöic hieän haïch toaùn chi phí laõ vay, Moät soá coâng nôï daây döa khou ñoõi ôu caùc XN seõ keát chuyeån veà coâng ty ñeã neáu ñuõ ñieàu kieån seõ xõu lý baèng nguoaùn döi phoøng ñaõ trích laäp ñoành caùc XN vaãn phaûi theo döõi vaø thồøng xuyeån ñoái chieáu ñoõi nôï.

-Caùc XN baùo caùo chi tieát caùc khoaùn möüc chi phí trong keá hoaïch giaù thaønh nhaäp kho vaø giaù thaønh tieâu thuï. Ñoành kyø coâng ty seõ tieán haønh kieám tra ñoái chieáu thöic teá chi phí vaø caùc chöøng töø chi phí.

đ/ Về đầu tư Xây dựng Cơ bản

Trong quý IV năm 2016 ñã hoàn tất việc bàn giao mặt bằng đất tại Hòa Nhơn, Hòa Vang, Đà Nẵng. Năm 2017 Coâng ty seõ phần ñấu hoàn thành việc xây dựng ñeõ sớm di dòir kho than Đà Nẵng, với tổng mức ñầu tư công trình chuyeån tiep là 5 tỷ ñoàng .

- Hoàn chỉnh các thủ tục tại Kho cảng Cam Ranh ñeõ ñi vào xây dựng hoàn tất trong năm 2017, với tổng mức ñầu tư là 5 tỉ ñoàng

-Coâng ty chuû trồøng xaõ hoã hoùa caùc haïng möüc ñaàu tö. Coâng ty chæ tröic tieáp ñaàu tö ñoõõng haïng möüc lòun ñõ kho baõi lòun coù tính chieán löõic.

Moät soá maët quaùn lý ñieàu haønh khaùc, caên coù vaøo ñieàu kieån thöic teá SXKD cuûa töøng Xí nghiệp, Giaùm ñoác Coâng ty seõ coù cô cheá cuï theã.

MÆc ñi cũ nh÷ng tÝn hiÕu vui trong n¸m 2016, nh- thÞ tr-êng bÊt ®éng s¶n Êm l¸n, sù chØ ®¸o cũa Ng©n hµng Nhµ n-íc trong viÖc gi¶m l-i vay cho nÒn kinh tÕ, thÞ tr-êng chøng kho,n s«i ®éng, cùng sù chØ ®¸o cũa HŞQT, Gi,m ®èc C«ng ty sù cè g¾ng cũa to¸n thÓ ng-êi lao ®éng trong C«ng ty ch¾c ch¾n chóng ta sĩ hoµn thµnh ®-íc môc tíu n¸m 2017.

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản:

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (Có phụ lục kèm theo)

Đánh giá chung về hoạt động SX kinh doanh và tình hình tài chính năm 2016: Năm 2016 có thể nói là năm đang tiếp tục khó khăn của nền kinh trong nước, khối lượng bán ra của Công ty thấp nhất trong 10 năm qua, Sự cạnh tranh quá khốc liệt, Công ty phải hạ giá nhằm đẩy mạnh lượng tiêu thụ, từ đó lợi nhuận thấp, chưa đạt được kỳ vọng củ tất cả cổ đông. Bên cạnh những việc đã làm được, Công ty còn có một số hạn chế nhất định: tổng nợ phải thu khách hàng còn lớn,(năm 2014 là 68,418/ 73,345 tỉ đồng năm 2013), tiềm ẩn nhiều rủi ro cao, Công ty tiếp tục trích bổ sung quỹ dự phòng nợ khó đòi 3,395 tỉ đồng, đưa quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi lũy kế đến năm 2014 là 30,5 tỉ đồng , Công ty tìm cách xoay sở các nguồn vốn để lãi vay giảm, năm 2014:1,4/ 2,94 tỉ, bằng 47,6 so năm 2013, chi phí bán hàng năm 2014 là 44.723/44,821 tỉ, bằng 99% năm 2013, tất cả số liệu này cho thấy rằng công ty đã cố gắng hạn chế, tiết giảm những chi phí không thật sự cần thiết, nhằm sử dụng hiệu quả đồng vốn. Xác định năm 2017 là năm khó khăn hơn năm 2016, thách thức đặt ra cho Công ty rất lớn, vừa giải quyết tích cực thu hồi công nợ cũ vừa tiết giảm chi phí để đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, giữ được khách hàng, mặt khác phải đảm bảo có lợi nhuận để chia cổ tức cho các cổ đông là những vấn đề đặt lên hàng đầu trong chiến lược kinh doanh của Công ty năm 2016.

4. Cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách quản lý, kế hoạch phát triển tương lai.

- Khai thác tốt thị trường khu vực, bảo đảm đủ số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa theo yêu cầu của khách hàng. Nâng cao chất lượng phục vụ, đồng thời thực hiện chặt chẽ công tác pháp chế trong hợp đồng kinh tế với khách hàng.

- Rà soát để bổ sung sửa đổi cơ chế quản lý điều hành và các quy chế quản lý trong doanh nghiệp cho phù hợp với luật pháp và điều kiện thực tế theo hướng tăng cường sự chủ động của các Chi nhánh và quản lý chặt hơn về tài chính.

- Thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ kế cận nhằm tạo ra đội ngũ cán bộ có phẩm chất nghề nghiệp và năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu của phát triển.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2016, Công ty đã khắc phục khó khăn về thị trường, về chính sách giảm giá, về tài chính, vv... để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao phó, giá cả và quan hệ với khách hàng. Chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ được nâng cao, giữ vững được thị phần của Công ty. Công ty đang tích cực xây dựng cơ sở vật chất nhằm tạo ra sự ổn định lâu dài trong kinh doanh. Chưa chủ động điều tiết hàng hóa, sản lượng tồn kho cuối năm lớn.

Một số công trình đầu tư chưa hoàn thành hoặc chưa chính thức tiến hành là do thủ tục hành chính về đất đai ở địa phương.

Trong một năm thực hiện nhiệm vụ, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức trách, quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Bảo toàn và phát triển vốn. Từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý và hướng các hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao. Giám sát và tạo điều kiện cho Ban Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ.

Hội đồng quản trị hoạt động dân chủ, phát huy trí tuệ của tập thể trong lãnh đạo và quản lý Công ty. Hội đồng quản trị xây dựng Nghị quyết đúng quy trình, đúng chức năng và quyền hạn của mình. Các thành viên Hội đồng quản trị làm việc công tâm, đoàn kết và trung thực. Không xảy ra xung đột nội bộ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.

- Năm 2016, Trước những khó khăn do tình hình suy thoái kinh tế, Ban Giám đốc đã quản lý điều hành Công ty đạt kết quả kinh doanh so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao như sau: sản lượng tiêu thụ đạt 72,94% doanh thu đạt 75,51% giá trị sản xuất đạt 85,77%, lợi nhuận trước thuế đạt 50%, thu nhập người lao động đạt 66%.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

- Có các biện pháp tích cực và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị phát huy tính năng động trong kinh doanh.

- Thực sự chủ động trong công tác quản lý, điều hành; chủ động tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện tốt công tác quản lý chi phí, quản lý công nợ và lưu chuyển tiền tệ; chưa xảy ra thất thoát vốn. Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính cũng như các báo cáo thông kê của Công ty là trung thực, đúng quy định. Tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh và minh bạch. Vốn và tài sản của Công ty được bảo toàn và phát triển.

- Các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc các quy chế quản lý nội bộ. Các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động do Giám đốc Công ty ký kết hoặc uỷ nhiệm Giám đốc các Xí nghiệp ký kết đều tuân thủ đúng pháp luật và được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Năm 2016, không có tranh chấp nội bộ. Các tranh chấp dân sự giữa Công ty và các tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp được giải quyết dứt điểm thông qua thương lượng hoặc thông qua các cơ quan pháp luật.

- Việc làm, thu nhập của người lao động được ổn định.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị.

* Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị: Vĩnh Như

Ngày tháng năm sinh: 09/06/1956 Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú hiện nay: 49 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học

Là Thành viên độc lập

Quá trình công tác:

Từ tháng 7/1978 – 12/1989: Nhân viên trạm than Đông Hà, công ty than Miền Trung

Từ tháng 01/1990-7/1995: Trạm trưởng trạm than Đông Hà, công ty than Miền Trung

Từ tháng 8/1995-12/2001: Giám đốc XN than Bình Trị Thiên, công ty than Miền Trung

Từ T01/2002 đến T01/2015: Giám đốc công ty cổ phần than Miền Nam – Vinacomin

Từ T01/2015 đến nay: Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần than Miền Trung - Vinacomin

Và là Giám đốc công ty cổ phần than Miền Nam - Vinacomin

Ủy viên Hội đồng quản trị: Trần Thế Hiếu

Ngày tháng năm sinh: 8/6/1960 Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú hiện nay: 775 Nguyễn Hữu Thọ, Q.Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Đại học

Là Thành viên độc lập

Quá trình công tác:

Từ 10/1978-12/1983:Học sinh Đại học Mỏ

Từ 08/1984-12/1985: CB Phòng Kỹ thuật- Xí nghiệp vận tải - Công ty than 3

Từ 01/1986-06/1991: CB Phòng LĐTL- Xí nghiệp vận tải - Công ty than 3

Từ 07/1992-09/1993: Quản đốc phân xưởng Xí nghiệp Vật tư Vận tải-Công ty than Nội địa

Từ 10/1993-05/1994: Học tại Nhật Bản về CB than

Từ 06/1994-08/1994: Chuyên viên phòng TCLĐ- XN VT Vận tải-Cty than Nội địa

Từ 09/1994- 04/1998: Phó giám đốc Xí nghiệp Than Đồng Nai

Từ 05/1998- 12/2014: Giám đốc Xí nghiệp Than Đồng Nai

Từ 01/2015- đến nay: UV- HĐQT, Giám đốc Công ty CP than Miền Trung:

Ủy viên Hội đồng quản trị: Hồ Anh Khoa

Ngày tháng năm sinh: Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú hiện nay: 337/70 Cách Mạng tháng 8, P12, Q.10, TP HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học

Là Thành viên độc lập

Quá trình công tác:

Từ tháng 10/1994 – 04/1995: Nhân viên phòng KHKD công ty Than Miền Nam

Từ tháng 05/1995-11/1996: PGĐ XN than Sài Gòn, công ty than Miền Nam

Từ tháng 12/1996-10/1998: PGĐ XN than Hậu Giang, công ty than Miền Nam

Từ tháng 11/1998-05/2001: PGĐ XN than Đồng Nam công ty than Miền Nam

Từ T6/2001-04/2002: PGĐ XN than Đồng Nai, công ty than Miền Trung

Từ T5/2002-12/2002: Kế toán trưởng XN than Đồng Nai, công ty than Miền Trung

Từ T01/2003-03/2003: Kế toán trưởng XN than Đồng Nai, công ty than Miền Nam

Từ T04/2003-9/2004: Phó phòng KHKD công ty than Miền Nam

Từ T10/2004 đến nay: Phó giám đốc công ty CP than Miền Nam Vinacomin

Ủy viên Hội đồng quản trị: Lê Việt Quang

Ngày tháng năm sinh: 20/5/1958

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú hiện nay: Khu 4, Thị Trấn Lộc Thắng, H.Bảo Lâm, Lâm Đồng.

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư khai thác mỏ.

Là thành viên độc lập:

Quá trình công tác:

Từ 1979 đến 1982 : Cán bộ, Phó phòng TC Lao động Mỏ Mông Dương.

Từ 1982 đến 1986 : Trưởng ca Trung Tâm SX Mỏ Mông Dương.

Từ 1987 đến 2007 : Trưởng phòng, Chỉ huy SX Mỏ Khe Chàm.

Từ 1987 đến 2007 : Phó Giám đốc Mỏ Khe Chàm, Cty than Khe Chàm.

Từ 2007 đến 2012 : Giám đốc Công TY Bau xit Lâm Đồng, Công ty nhôm Lâm Đồng.

Từ 2012 đến nay : - Chủ tịch HĐTV Công ty Nhôm Lâm Đồng.

- Chủ tịch Công ty XL Môi trường Nhân Cơ.

- Chủ tịch Công ty địa chất Géoinco.

-UV- HĐQT, Cty CP than Miền Nam và Cty Than Miền Trung

Ủy viên Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Văn Chín

Ngày tháng năm sinh: 12/01/1961

Địa chỉ thường trú hiện nay: 18. Phan Bội Châu, Tp. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Đại học

Là thành viên độc lập

Quá trình công tác:

Từ 5/1985 - 01/1986 : Cán bộ Công ty than Miền Trung.

Từ 02/1986 - 06/1988 : Chiến sỹ E 687, Mặt trận 579.

Từ 07/1988 - 06/1997 : Chuyên viên Công ty than Miền Trung.

Từ 07/1997 - 12/1998 : Phó G. đốc XN than Đà Nẵng Công ty than Miền Trung.

Từ 01/1999 - 12/2003: Giám đốc XN than Đà Nẵng, Công ty than Miền Trung.

Từ 01/2004 - 12/2005 : Ủy viên HĐQT Công ty CP than Miền Trung - TKV; Giám đốc Xí nghiệp than Đà Nẵng.

Từ 01/2006 - 02/2009 : Giám đốc XN than Đà Nẵng thuộc Công ty than Miền Trung-TKV

Từ 2/2009 đến nay : Ủy viên HĐQT Công ty CP than Miền Trung; Giám đốc Xí nghiệp than Đà Nẵng

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

Số lượng cổ phiếu nắm giữ của thành viên HĐQT thay đổi trong năm như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ		Tỷ lệ sở hữu CP (%)
			31/12/2015	31/12/2016	
1	Vĩnh Như	Chủ tịch HĐQT	1.336.000	2.805.600	50,077
2	Trần Thế Hiếu	Thành viên HĐQT	2.000	4.200	0,074
3	Nguyễn Văn Chín	Thành viên HĐQT	10.800	22.680	0,40
4	Hồ Anh Khoa	Thành viên HĐQT	2.000	4.200	0,074
5	Lê Việt Quang	Thành viên HĐQT	726.900	1.526.490	27,25

2. Ban Kiểm soát.

* Thành viên Ban Kiểm soát.

Trưởng ban kiểm soát: Phạm Xuân Phong

Ngày tháng năm sinh: 12/10/1964

Địa chỉ thường trú hiện nay: Tổ 14 Phường Quan Hoa Quận Cầu Giấy Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

3/1097 - 12/1990 : Phó phòng kế toán Xí nghiệp Thi công Cơ giới Cầu đường, Công ty Than Ưng Bí

1991 – 1993 : Phó phòng Kế toán Mỏ Than Than Thùng, Công ty Than Ưng Bí

1994 - 1997: Phó phòng kế toán Công ty Than Ưng Bí

1997 - 1999 : Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Xi Măng Hải Long (Tổng Công ty Than Việt Nam góp vốn liên doanh với Tập đoàn Hanjung Hàn Quốc)

2000 - 2003: Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Giày Sơn Long (Tổng Công ty Than Việt Nam góp vốn thành lập Công ty)

2003 - 2004 :Phó Trưởng phòng kế toán Tổng hợp Ban Kế toán Tổng Công ty Than Việt Nam

2004 - 03/2010:Trưởng phòng kế toán Tổng hợp Ban Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

03/2009 đến nay :Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Than Miền Trung – TKV; Trưởng phòng kế toán Tổng hợp Ban Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Thành viên ban kiểm soát: Phạm Thị Ngọc Trang

Ngày tháng năm sinh: 15/04/1966 Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú hiện nay: 49 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán

Quá trình công tác:

Từ tháng 8/1989-T6/1995: Kế toán công ty xây lắp điện 2, Bộ năng lượng

Từ T7/1995-T10/1998: Phó phòng Kế toán công ty than Miền Nam

Từ T1/2000-T3/2000: Trưởng phòng Kế toán công ty than Miền Nam

Từ T4/2000 đến nay: Kế toán trưởng công ty cổ phần than Miền Nam Vinacomin

Thành viên ban kiểm soát: Nguyễn Mạnh Hùng

Ngày tháng năm sinh: Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú hiện nay: 383/4 Nguyễn Thái Bình, P.12, Tân Bình, TP HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

Từ tháng 01/2012-02/2012: Nhân viên phòng KHKD Công ty than Miền Nam

Từ tháng 02/2012-03/2014: Trưởng phòng, Trợ lý giám đốc Công ty than Miền Nam

Từ tháng 4/2014 đến nay: Phó giám đốc công ty than Miền Nam -Vinacomin

***Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Ban kiểm soát:**

Số lượng cổ phiếu nắm giữ của thành viên BKS thay đổi trong năm như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ		Tỷ lệ sở hữu CP (%)
			31/12/2015	31/12/2016	
1	Phạm Xuân Phong	Trưởng Ban			
2	Phạm Thị Ngọc Trang	Thành viên	18.000	37.800	0,674
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	2.000	4.200	0,074

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Tiền lương của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty được trả trên Tổng quỹ lương theo đơn giá giao của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam. Năm 2016 quỹ lương được tập đoàn duyệt là 24.655.000.000 đồng. Được trả lương theo quy chế “ Quản lý quản lý và Phân phối tiền lương tiền thưởng trong Công ty.

b) Thù lao của các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên họp ngày 15/3/2014 về mức phụ cấp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty, Công ty đã tiến hành trả phụ cấp năm 2014 như sau:

Mức phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bằng (=) hệ số lương cấp bậc 2/2 doanh nghiệp hạng I của các chức danh chuyên trách tương ứng của công ty nhà nước nhân (x) mức lương tối thiểu chung do Chính Phủ quy định tại các thời điểm nhân (x) 30%. Trong đó: hệ số chuyên trách áp dụng để tính phụ cấp của Chủ tịch HĐQT là 7,30. Ủy viên HĐQT là: 6,31, của Trưởng ban Kiểm soát là 6,31. Ủy viên Ban Kiểm soát là 5,98. Thư ký Công ty là 5,98.

TT	Chức danh	Số người	phụ cấp năm 2016/ người	Số tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	20.148.000	20.148.000
1	UV-HĐQT,GĐ Điều hành	1	19.236 000	19 236 000
3	Ủy viên HĐQT	3	17.412.000	52.236.000
4	Trưởng Ban Kiểm soát	1	17.412.000	17.412.000
5	Ủy viên Ban Kiểm soát	2	16.504.000	33.008.000
6	Thư ký Công ty	1	16.504.000	16.504.000
	Cộng	9		158.544.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

c) Hợp đồng hoặc các giao dịch với cổ đông nội bộ. Không có.

Năm 2016, các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát không có giao dịch nào với Công ty.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty. Năm 2016, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty, chưa để xảy ra các vi phạm.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN (Kèm theo)

1. Ý kiến Kiểm toán độc lập:

-Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh (Có kèm theo báo cáo trang tiếp theo)

- Các nhận xét đặc biệt: Không có

Số: 041638/AISC-TC-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị & Ban Giám đốc
Công ty cổ phần than Miền Trung- Vinacomin.

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần than Miền Trung- Vinacomin(sau đây viết tắt là “ Công ty”) được lập từ ngày 20/3/2017, từ trang 04 đến trang 41 bao gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bảng thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm toán nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính và không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Than Miền Trung – Vinacomin** tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán

doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Kiểm toán viên

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HIỆP

Số CNDKHNKT: 1401-2013-05-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(đã ký)

HUỲNH TIỂU PHỤNG

Số CNDKHNKT: 1269-2013-05-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCKHN;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Lưu HĐQT, VT

CÔNG TY CP THAN MIỀN TRUNG

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

TRẦN THẾ HIẾU